

Bản án số: 15/2022/HNGĐ - ST

Ngày 08/8/2022.

“V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁT XÁT**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Đức.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Trần Thị Trúc

2. Bà Hoa Thị Vân

*Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Minh Lý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bát Xát.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 08/8/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2022/TLST - HNGĐ ngày 09/6/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐXX - ST ngày 21/7 /2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Đào Thị Ng - Sinh năm 1972

Nghề nghiệp: Giáo viên; Dân tộc: Kinh.

Trú tại: Tổ 10, thị trấn Bát X, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

*Bị đơn:* Anh Bùi Văn Q - Sinh năm 1969

Nghề nghiệp: Tự do; Dân tộc: Kinh.

Trú tại: Thôn Lao Ch, xã Y T, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

Đều vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Đào Thị Ntrình bày:***

Chị và anh Bùi Văn Qchung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 đến nay, không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật mà chỉ tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc chỉ được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Quang nghiện hút ma túy, không tu chí làm ăn để cùng nhau xây dựng kinh tế gia đình, không quan tâm tới vợ con, đã nhiều lần chị động viên, khuyên giải nhưng anh Quang không thay đổi, mà còn chửi mắng, đánh đập chị, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Hiện nay chị và anh Quang đã sống ly thân không quan tâm

đến nhau. Đến nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn Q.

Về con chung: Chị và anh Bùi Văn Q có hai con chung: Cháu lớn là Bùi Thị Ngọc Quỳnh - Sinh ngày 16/2/1992 và cháu Bùi Huyền Anh - Sinh ngày 27/1/2008. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Huyền Anh đến khi cháu đủ 18 tuổi. Không yêu cầu anh Bùi Văn Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Còn cháu Bùi Thị Ngọc Q, sinh ngày 16/2/1992 đã trưởng thành, xây dựng gia đình riêng nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Đào Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại các bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn anh Bùi Văn Q trình bày:***

Về thời gian, địa điểm, quá trình chung sống vợ chồng và con chung đúng như chị Đào Thị N trình bày. Cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hoà giải nhưng không thành. Nay chị Đào Thị N làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, tôi hoàn toàn nhất trí. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị Đào Thị N có hai con chung: Cháu lớn là Bùi Thị Ngọc Quỳnh - Sinh ngày 16/2/1992 và cháu Bùi Huyền Anh - Sinh ngày 27/1/2008. Khi ly hôn, anh nhất trí để chị Đào Thị N là người được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Huyền A đến khi cháu đủ 18 tuổi. A không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Còn cháu Bùi Thị Ngọc Q, 16/2/1992 đã trưởng thành, xây dựng gia đình riêng nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Anh Bùi Văn Q không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu và nguyện vọng của mình.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã đảm bảo đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 và các Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án giải quyết theo hướng:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Đào Thị N và anh Bùi Văn Q là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Bùi Huyền A - Sinh ngày 27/1/2008 cho chị Đào Thị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Bùi Văn Q không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Đào Thị Nphải chịu án phí ly hôn theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Đào Thị Nvà anh Bùi Văn Qđều cư trú tại huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết, xét xử của Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị Nvà anh Bùi Văn Qchung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991, quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được thời gian đã phát sinh mâu thuẫn, hai người đã sống ly thân nhau, cuộc sống chung không thể kéo dài. Nay chị Đào Thị N xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh Bùi Văn Quang. Xét thấy thời điểm anh Bùi Văn Q và chị Đào Thị N bắt đầu chung sống với nhau, hai người đã đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của luật hôn nhân gia đình năm 2000, nhưng cho đến nay chị Đào Thị N và anh Bùi Văn Q cũng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Đào Thị N và anh Bùi Văn Q là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Đào Thị N và anh Bùi Văn Q đều xác nhận có hai con chung: Cháu lớn là Bùi Thị Ngọc Quỳnh - Sinh ngày 16/2/1992 và cháu Bùi Huyền A - Sinh ngày 27/1/2008. Cháu Bùi Thị Ngọc Quỳnh đã trưởng thành tự lo cho bản thân nên các đương sự không đề nghị giải quyết là phù hợp, còn cháu Bùi Huyền Anh còn nhỏ đang sống phụ thuộc vào bố mẹ nên khi ly hôn, chị Đào Thị N có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Huyền Anh đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Bùi Văn Q không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Nguyện vọng của cháu Bùi Huyền Anh cũng muốn được ở với mẹ.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Chị Đào Thị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

*Từ những nhận định trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Đào Thị N và anh Bùi Văn Q là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu cháu Bùi Huyền A - Sinh ngày 27/1/2008 cho chị Đào Thị Nlà người được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu đến khi cháu Bùi Huyền A trưởng thành (đủ 18 tuổi)

Về cấp dưỡng: Anh Bùi Văn Q không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đào Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0002224 ngày 09/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bát Xát. Chị Đào Thị N đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Án xử công khai sơ thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh; huyện;
- Các đương sự 2;
- THADS;
- Lưu HS, VP.

**TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Minh Đức**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Trần Thị Trúc**

**Hoa thị Vân**

**Nguyễn Thị Minh Đức**

**Nơi nhận:**

- *TAND tỉnh;*
- *VKSND tỉnh; huyện*
- *Các đương sự 2;*
- *UBND xã Bản Xèo;*
- *THADS;*
- *Lưu HS, VP.*

**TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Ngô Đức Quang**

**Các hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Tân A Liều**

**Vàng Văn Phủ**

**Phạm Thị Thanh Hương**